

Bản án số: 178/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 10 - 2019
“Về việc ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mâm

Ông Hứa Việt Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019. Về việc “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn Ng, sinh năm 1957 (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Đinh Thị S, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Kinh Lớn, xã Đông Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 04/9/2019 và các lời khai của nguyên đơn ông Võ Văn Ng trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Ng và bà S chung sống với nhau năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà S thường hay chửi ông nhiều lần nên ông có đánh bà S, từ đó ông và bà S sống ly thân khoảng 01 năm nay. Ông Ng xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên ông Ng yêu cầu xin ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông Ng trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Võ Minh Mẫn, sinh ngày 10/11/1996 và Võ Tuyết Nghi, sinh ngày 03/6/2003, hiện nay Võ Minh Mẫn đã trưởng thành nếu theo ai thì người đó nuôi không yêu cầu xem xét. Đối Võ Tuyết Nghi thì nguyện vọng con theo ai thì người đó nuôi, người không

nuôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Ng trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông Ng trình bày vợ chồng không nợ chung nên không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ riêng: Ông Ng trình bày ông có nợ riêng nhưng ông tự trả không yêu cầu bà S trả.

- *Tại lời trình bày của bị đơn bà Đinh Thị S như sau:*

Về hôn nhân: Bà S đồng ý ly hôn với ông Ng. Bà không ý kiến gì.

Về con chung: Bà S thống nhất lời trình bày vợ chồng có 02 con chung như ông Ng trình bày. Bà thống nhất Võ Minh Mẫn đã trưởng thành không yêu cầu, riêng Võ Tuyết Nghi nguyện vọng con theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà S thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà S thống nhất vợ chồng không nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ riêng: Bà S thống nhất nợ riêng ông Ng hỏi thì ông Ng tự trả, bà không liên đới cùng trả với ông Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Đinh Thị S có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của ông Võ Văn Ng khởi kiện xin ly hôn với bà Đinh Thị S và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Ng và bà S cha mẹ tổ chức đám cưới năm 1996 không đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông Ng và bà S không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của ông Ng và bà S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Ng và bà S thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Võ Minh Mẫn, sinh ngày 10/11/1996 và Võ Tuyết Nghi, sinh ngày 03/6/2003, hiện nay Võ Minh Mẫn đã trưởng thành nên không xem xét, nếu theo ai thì người đó nuôi. Đối với Võ Tuyết Nghi thì nguyện vọng con theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của ông Ng và bà S về việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Võ Tuyết Nghi được thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2019 nên Hội đồng xét xử công nhận. Do đó, tiếp tục giao cháu Võ Tuyết Nghi, sinh ngày 03/6/2003 cho bà S nuôi dưỡng. Ông Ng không nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Ông Ng và bà S thống nhất có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Ng và bà S thống nhất vợ chồng không có không nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Ng phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 243, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Võ Văn Ng và bà Đinh Thị S là vợ chồng.
- Về con: Tiếp tục giao cháu Võ Tuyết Nghi, sinh ngày 03/6/2003 cho bà Đinh Thị S nuôi dưỡng, ông Ng không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ng không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Ng phải chịu án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm Ng đồng), ông Ng có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm Ng đồng) theo biên lai thu số 0004753 ngày 04/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai ông Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà S được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện Cc;
- Dương sự;
- UBND xã Đông Thới;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính